

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2021

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**  
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Lê Minh Toàn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã V, thành phố Vị T, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh **Trương Văn M**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp P, xã Long Ph, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn M được sự mai mối tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Long Ph, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2008 đến 2016 vợ chồng cùng nhau đi làm công ty nhưng tiền ai người đó sử dụng, không ai quan tâm ai và cũng thỉnh thoảng cự cãi nhau. Đến năm 2014 vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng nên từ đó đến nay vợ chồng không còn

sống chung với nhau, anh M cũng không điện thoại hay gặp gỡ chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh M, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 03/11/2006 hiện do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*- Bị đơn Trương Văn M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.*

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị C yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn M. Về con chung: Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trương Minh T, sinh ngày 03/11/2006, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trương Văn M vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C: Cho chị Nguyễn Thị C ly hôn với anh Trương Văn M.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 03/11/2006 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn Trương Văn M có địa chỉ tại ấp P, xã Long Ph, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trương Văn M.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Văn M kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Long Ph, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

Theo nguyên đơn trình bày, thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường cự cãi nhau. Từ năm 2008 đến 2016 vợ chồng cùng nhau đi làm công ty nhưng tiền ai người đó sử dụng, không ai quan tâm ai và cũng thỉnh thoảng cự cãi nhau. Từ năm 2014 đến nay đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh M cũng không điện thoại hay gặp gỡ chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên

tòa, chị C xác định chị không còn tình cảm với anh M và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, từ năm 2014 cho đến nay chị C và anh M không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh M cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị C. Từ đó cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C. Vì vậy, có căn cứ để xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị C được ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 03/11/2006 hiện do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021 cháu Trương Minh T trình bày hiện cháu đang sống chung với mẹ là Nguyễn Thị C, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ cháu. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu T cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị C. Giao cháu Trương Minh T cho chị Nguyễn Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu anh Trương Văn M cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trương Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 03/11/2006 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị C nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0006467 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên chị C không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Ph;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Phạm Thị Ánh Tuyết**